



## **QUY TRÌNH**

**TỰ ĐÁNH GIÁ RỦI RO VÀ HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT**

**MÃ SỐ: QT.RR.007**

*Handwritten signature*

## TÓM TẮT SỬA ĐỔI

LẦN SỬA	NGÀY SỬA	TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI
1		Ban hành lần đầu
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		
31		
32		

**QT.RR.007***Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2011*

## **QUY TRÌNH**

### **Tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát**

#### **1. Căn cứ:**

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank), đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y theo Quyết định số 719/QĐ-NHNN ngày 07-7-2003 và Quyết định số 1529/QĐ-NHNN ngày 01-8-2006;
- Quy chế số QC.TCBM.001 ngày 18-6-2011 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế Tổ chức bộ máy của Maritime Bank;
- Theo đề nghị của Giám Đốc Khối Quản lý Rủi ro,

#### **2. Mục đích:**

- Quy trình này ban hành nhằm thống nhất các trình tự, thủ tục trong quá trình tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát tại Maritime Bank;
- Nhằm cung cấp báo cáo rủi ro thích hợp cho lãnh đạo cấp cao;
- Bảo đảm tất cả nhân viên nhận thức đầy đủ về rủi ro hoạt động và phòng tránh rủi ro hoạt động trong công việc hàng ngày;
- Thống nhất trách nhiệm và các bước phối hợp thực hiện giữa các đơn vị với Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động- Trung tâm Quản lý Rủi ro Hoạt động- Khối Quản lý Rủi ro.

#### **3. Đối tượng và phạm vi áp dụng:**

- Đối tượng áp dụng: Là hoạt động tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát tại các đơn vị trên toàn Hệ thống Maritime Bank.
- Phạm vi áp dụng: Tất cả các Phòng, Ban, đơn vị trên toàn Hệ thống Maritime Bank.

#### **4. Thuật ngữ và định nghĩa:**

- Rủi ro Hoạt động: Là các rủi ro gây ra tổn thất xuất phát từ sự không phù hợp hoặc vận hành không đúng của các quy trình nội bộ, con người và hệ thống hoặc do các Sự kiện bên ngoài. Định nghĩa này bao gồm rủi ro Pháp luật nhưng không bao gồm rủi ro về chiến lược và danh tiếng.
- Ảnh hưởng: Là hậu quả nếu rủi ro xảy ra. Ảnh hưởng của rủi ro tại Maritime Bank xem xét tới tổn thất tài chính trực tiếp, uy tín và hình ảnh của ngân hàng, yếu tố kiện tụng và pháp lý.

- Khả năng xảy ra: Là nguy cơ rủi ro xảy ra nếu giả sử không có kiểm soát hay biện pháp giảm thiểu. Khả năng xảy ra xem xét tới tần suất rủi ro đã xảy ra trong quá khứ và dự đoán tỷ lệ phần trăm có thể xảy ra trong tương lai.
- Kiểm soát: Là các bước, biện pháp hay công cụ được sử dụng nhằm giảm thiểu các lỗi phát sinh và đảm bảo hiệu quả trong quá trình vận hành.

## 5. Trách nhiệm và quyền hạn:

### 5.1. Trách nhiệm của Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động:

- a) Xây dựng quy trình, hướng dẫn về việc tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát;
- b) Thiết kế, đào tạo, cập nhật các rủi ro và triển khai chương trình tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát;
- c) Cảnh báo đơn vị các rủi ro có thể xảy ra và cách thức kiểm soát rủi ro;
- d) Đảm bảo quy trình tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát được thực hiện;
- e) Điều phối và hỗ trợ các hành động để giảm rủi ro cho các đơn vị;
- f) Tổng hợp, báo cáo tình hình tự đánh giá rủi ro và các hành động giảm rủi ro tại các đơn vị cho Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro, Tổng Giám đốc và Ủy Ban Quản lý Rủi ro.

### 5.2. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc các Ngân hàng Chuyên doanh và Giám đốc các Khối:

- a) Định kỳ tối thiểu hàng quý (có thể ngắn hơn) chỉ đạo đơn vị tổ chức họp tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát tại đơn vị mình đang phụ trách và thông báo cho Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động tham dự;
- b) Ký xác nhận việc thực hiện tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát tại đơn vị;
- c) Nắm rõ các rủi ro tại đơn vị mình, thực hiện và giám sát việc thực hiện hành động giảm rủi ro cho đơn vị;
- d) Cử đầu mối thường xuyên liên lạc với Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động về công tác quản lý rủi ro tại đơn vị.

### 5.3. Trách nhiệm của cán bộ, nhân viên tại đơn vị:

- a) Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát tại đơn vị mình;
- b) Nhận thức đầy đủ về các rủi ro hoạt động trong công việc hàng ngày;
- c) Đóng góp ý kiến trong việc xác định rủi ro, xác định kiểm soát, cho điểm tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát;

- d) Có ý thức tự phòng tránh và giảm rủi ro trong quá trình thực hiện nghiệp vụ;
- e) Thực hiện các biện pháp giảm rủi ro theo yêu cầu của lãnh đạo đơn vị.

## **6. Tổ chức triển khai:**

### **6.1. Thảo luận để xác định rủi ro hoạt động:**

- a) Định kỳ tối thiểu là hằng quý (có thể ngắn hơn nếu đơn vị có nhu cầu), lãnh đạo đơn vị tổ chức họp toàn bộ nhân viên thảo luận xác định ra các rủi ro hoạt động tại đơn vị mình theo mẫu số BM01/QT.RR.007 hoặc danh mục rủi ro sát hơn với thực tế của từng đơn vị do Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động cung cấp;
- b) Đơn vị xác định các rủi ro hoạt động bằng cách chọn ra các rủi ro từ danh mục gợi ý hoặc có thể viết thêm các rủi ro nằm ngoài danh mục đó. Tất cả các nhân viên tại đơn vị được yêu cầu tham gia để nhận biết và phòng tránh rủi ro trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

### **6.2. Đánh giá rủi ro hoạt động:**

Khi đã xác định được rủi ro, đơn vị thực hiện đánh giá rủi ro theo mẫu BM01/QT.RR.007 với mức ảnh hưởng theo thang điểm tại Phụ lục số PL02/QT.RR.007 và mức khả năng có thể xảy ra theo thang điểm Phụ lục số PL03/QT.RR.007 đối với từng rủi ro đã xác định từ bước trước.

### **6.3. Xác định kiểm soát và đánh giá hiệu quả kiểm soát:**

- a) Sau khi đánh giá, các nhân viên tại đơn vị thảo luận liệt kê ra các kiểm soát mà hiện tại Maritime Bank đang áp dụng với mỗi rủi ro;
- b) Sau đó, lãnh đạo đơn vị đánh giá hiệu quả kiểm soát theo thang điểm tại Phụ Lục số PL04/QT.RR.007.

### **6.4. Chủ động đưa ra biện pháp phòng tránh và giảm rủi ro đã xác định:**

- a) Lãnh đạo đơn vị chọn ra những rủi ro cao nhất tại đơn vị theo Phụ Lục số PL05/QT.RR.007 (Xếp hạng từ cao xuống thấp lần lượt là A, B, C, D) để đánh giá hiệu quả kiểm soát và đưa ra biện pháp giảm rủi ro hoạt động. Tùy thuộc quy mô của đơn vị và mức độ mong muốn kiểm soát rủi ro hoạt động tại đơn vị mà lãnh đạo đơn vị chọn số lượng rủi ro cao nhất phù hợp nhưng tối thiểu phải chọn 5 rủi ro cao nhất để đưa ra biện pháp giảm rủi ro cho đơn vị mình.
- b) Đơn vị đưa ra các biện pháp phòng tránh và giảm rủi ro theo mẫu BM02/QT.RR.007. Tất cả những rủi ro cao nhất đã lựa chọn đều phải có biện pháp phòng tránh hoặc giảm rủi ro. Nếu đơn vị cần sự hỗ trợ của đơn vị khác thì ghi tên đơn vị đó, gửi thư cho đơn vị đó và ghi thời hạn thực hiện vào cột thời hạn.

### **6.5. Lưu hồ sơ và giám sát biện pháp giảm rủi ro:**

- a) Khi đã hoàn tất quá trình tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát, đơn vị in bản tự giá rủi ro để lãnh đạo đơn vị ký xác nhận và gửi cho Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động.

- b) Đơn vị chủ động xử lý và thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro hoạt động. Nếu đơn vị cần hỗ trợ của Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro về các biện pháp giảm rủi ro thì có thể gửi thư tới địa chỉ email [qlrr\\_oprisk@msb.com.vn](mailto:qlrr_oprisk@msb.com.vn)
- c) Phòng Chính sách Quản lý Rủi ro Hoạt động phối hợp đưa ra biện pháp xử lý rủi ro và giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm rủi ro.

## 7. Hồ sơ lưu:

STT	LOẠI HỒ SƠ	TRÁCH NHIỆM	THỜI HẠN LƯU
01	Dữ liệu dạng điện tử các bản tự đánh giá rủi ro tại đơn vị.	Trung tâm Quản lý Rủi ro Hoạt động – Khối Quản lý Rủi ro	10 năm
02	Bản tự đánh giá rủi ro và kiểm soát tại đơn vị theo mẫu BM01/QT.RR.007 BM02/QT.RR.007.	Đơn vị nghiệp vụ và hỗ trợ	03 năm

## 8. Phụ lục và mẫu biểu:

### 8.1 Phụ lục:

- a) Phụ lục số 01 PL 01/QT.RR.007: Sơ đồ quy trình tự đánh giá rủi ro và hiệu quả kiểm soát;
- b) Phụ lục số 02 PL 02/QT.RR.007: Thang điểm ảnh hưởng và hướng dẫn cho điểm;
- c) Phụ lục số 03 PL 03/QT.RR.007: Thang điểm khả năng xảy ra và hướng dẫn cho điểm;
- d) Phụ lục số 04 PL 04/QT.RR.007: Thang điểm hiệu quả kiểm soát và hướng dẫn cho điểm;
- e) Phụ lục số 05 PL 05/QT.RR.007: Đánh giá rủi ro tổng thể.

### 8.2 Các mẫu biểu:

STT	TÊN BIỂU MẪU	MÃ SỐ
01	BM01 -Mau xác định rủi ro	BM01/QT.RR.007
02	BM02 -Mau danh gia kiểm soát và hành động giảm rủi ro	BM02/QT.RR.007

**9. Hiệu lực:**

9.1 .Quy trình này có hiệu lực từ ngày ký.

9.2 .Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy trình này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của Maritime Bank. Khi có những nội dung nào trong Quy trình này trái với quy định của Pháp luật, của HĐQT và Tổng Giám đốc, thì đương nhiên hết hiệu lực.

9.3 Việc sửa đổi, bổ sung Quy trình này do Tổng Giám đốc quyết định. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối, Giám đốc Sở Giao dịch, các Chi nhánh và Trưởng các Phòng, Ban Maritime Bank liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy trình này.

Nơi nhận:

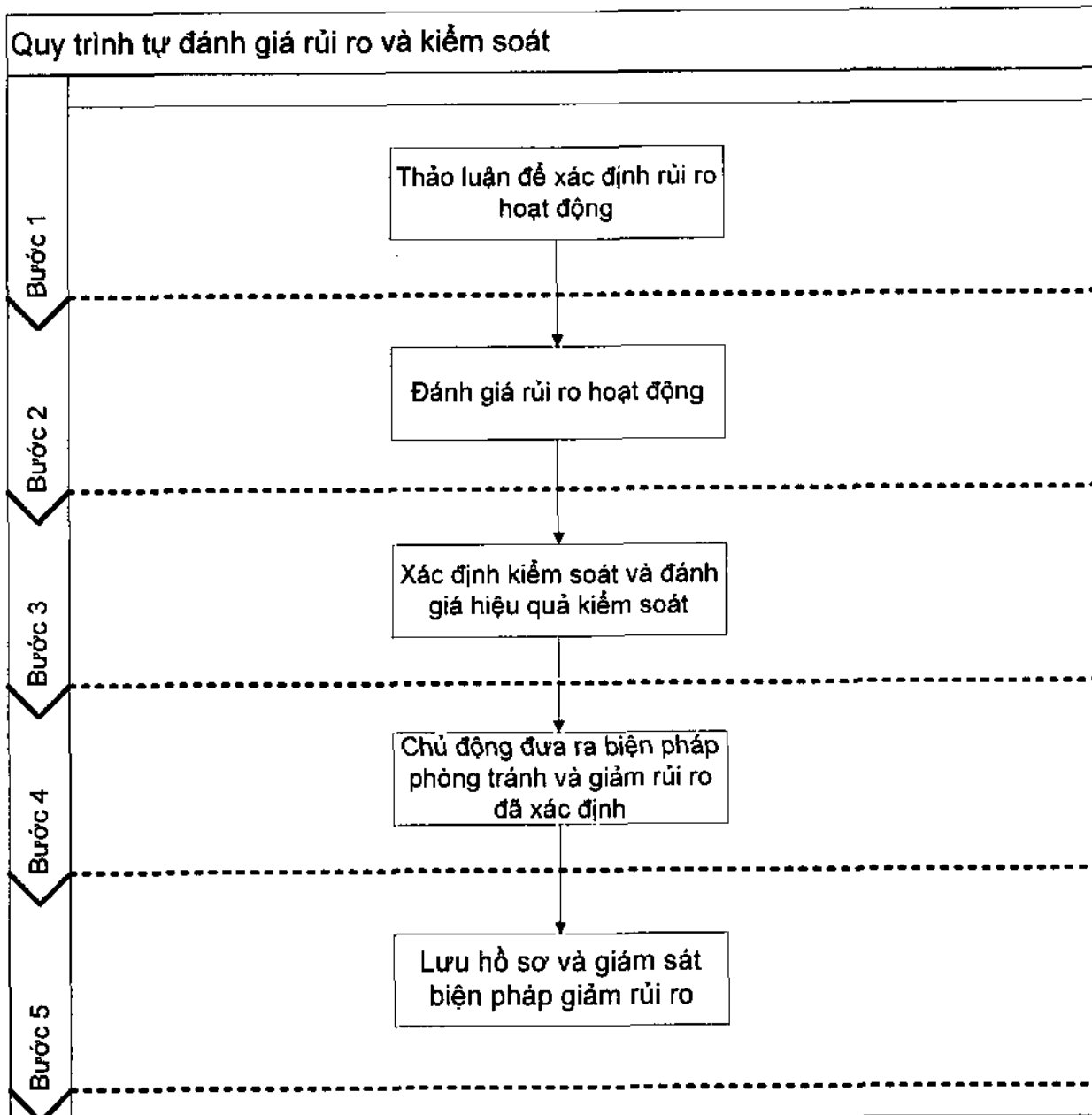
- Các TV HĐQT; TBKS;
- Ban Điều hành;
- SGD & các CN;
- Các Khối, Phòng, Ban MSB;
- Lưu Khối QLRR; VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Anh Tuấn

**PHỤ LỤC 01 (PL01/QT.RR.007)**





**PHỤ LỤC 02 (PL02/QT.RR.007)**

**THANG ĐIỂM ẢNH HƯỞNG VÀ HƯỚNG DẪN CHO ĐIỂM**

Cấp mức độ	Hướng dẫn đánh giá	Điểm
Không ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổn thất trực tiếp nếu xảy ra &lt; 1 triệu đồng</li> <li>- Hoặc có khả năng gây ra chi phí thấp và không gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của Ngân hàng, không có yếu tố cấu thành hành vi phạm tội, không gây ra rắc rối pháp lý cho ngân hàng, dễ dàng khắc phục hậu quả.</li> </ul>	1
Nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổn thất trực tiếp nếu xảy ra từ 1 đến 10 triệu đồng</li> <li>- Hoặc có khả năng gây ra chi phí tương đối và/hoặc ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng hoặc có ảnh hưởng một chút tới vấn đề pháp lý, có khả năng một số quyết định được đưa ra chống lại ngân hàng, tương đối dễ khắc phục hậu quả.</li> </ul>	2
Tương đối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổn thất trực tiếp nếu xảy ra từ &gt;10 đến 50 triệu đồng</li> <li>- Hoặc có khả năng gây ra chi phí đáng kể và/hoặc ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng hoặc xảy ra kiện tụng dân sự tuy nhiên có thể hòa giải mà không cần ra tòa án, tương đối khó khắc phục hậu quả.</li> </ul>	3
Lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổn thất trực tiếp nếu xảy ra từ &gt;50 đến 1 tỷ đồng</li> <li>- Hoặc có khả năng gây ra chi phí kinh tế lớn và/hoặc ảnh hưởng đến uy tín của ngân hàng hoặc xảy ra kiện tụng dân sự bất lợi cho ngân hàng và ít có khả năng có thể hòa giải nhanh chóng, khó khắc phục hậu quả.</li> </ul>	4
Rất lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổn thất trực tiếp nếu xảy ra từ &gt; 1 tỷ đồng</li> <li>- Hoặc có khả năng gây ra chi phí kinh tế rất lớn (bao gồm cả thiệt hại về giảm giá trị cổ phiếu và ảnh hưởng đến uy tín của ngân hàng) hoặc xảy ra kiện tụng bất lợi cho ngân hàng do có những vi phạm lớn, khó khắc phục hậu quả</li> </ul>	5

Đánh giá ảnh hưởng dựa trên các tiêu chí: tổn thất, uy tín, pháp lý, khắc phục hậu quả.

**PHỤ LỤC 03 (PL03/QT.RR.007)**

**THANG ĐIỂM KHẢ NĂNG XẢY RA VÀ HƯỚNG DẪN CHO ĐIỂM**

<b>Cấp mức độ</b>	<b>Hướng dẫn đánh giá</b>	<b>Điểm</b>
Rất ít xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá khứ, rủi ro này không xuất hiện tại đơn vị</li> <li>- Khả năng xảy ra không đáng kể, chỉ xảy ra trong những trường hợp rất đặc biệt;</li> </ul>	1
Ít xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá khứ, xảy ra mỗi năm 1 lần hoặc hơn</li> <li>- Có thể xảy ra một vài trường hợp; Nhỏ hơn 25% khả năng có thể xảy ra.</li> </ul>	2
Có khả năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá khứ, xảy ra mỗi năm khoảng 2,3 lần</li> <li>- Rất có khả năng xảy ra trong một số trường hợp; 25-50% khả năng có thể xảy ra.</li> </ul>	3
Khả năng lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá khứ, xảy ra hàng tháng</li> <li>- Hoàn toàn có thể xảy ra trong nhiều trường hợp ; 50-75% khả năng có thể xảy ra.</li> </ul>	4
Khả năng rất lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá khứ, xảy ra nhiều lần trong tháng</li> <li>- Sẽ xảy ra trong hầu hết các trường hợp; Lớn hơn 75% khả năng có thể xảy ra.</li> </ul>	5

Đánh giá khả năng xảy ra dựa trên các tiêu chí: tần suất xảy ra trong quá khứ, phần trăm khả năng xảy ra trong tương lai.

**PHỤ LỤC 04 (PL04/QT.RR.007)**

**THANG ĐIỂM HIỆU QUẢ KIỂM SOÁT VÀ HƯỚNG DẪN CHO ĐIỂM**

Mức độ	Hướng dẫn đánh giá	Điểm
Rất nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình kiểm tra kiểm soát được cập nhật đầy đủ trong vòng 12 tháng gần nhất</li> <li>- Vai trò và trách nhiệm được phân cấp đến từng mảng hoạt động cụ thể</li> <li>- Các vấn đề quan trọng được kiểm tra cẩn thận</li> <li>- Có ít sự thay đổi được cập nhật vào quy trình hiện hành</li> <li>- Rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho bên thứ ba, còn lại rất ít rủi ro</li> </ul>	1
Nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình bao trùm các khu vực quan trọng và một số chi tiết được cập nhật trong vòng 12 tháng gần nhất</li> <li>- Phân rõ vai trò và trách nhiệm cho hầu hết các chức năng</li> <li>- Quá trình áp dụng thực tế có sự hỗ trợ từ cấp quản lý nhưng cho phép sự biến đổi trong cách thức áp dụng của nhân viên</li> <li>- Có ít sự thay đổi trong phương thức kinh doanh trong vòng sáu tháng gần nhất, việc thích nghi với thay đổi được dựa trên kinh nghiệm của các nhân viên</li> <li>- Phần lớn rủi ro được chuyển giao cho bên thứ ba hoặc được trích lập dự phòng</li> </ul>	2
Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từng xảy ra một số ngoại lệ thể hiện sự hạn chế của việc thiết kế chốt kiểm soát</li> <li>- Quy trình bao trùm các khu vực quan trọng nhưng có điểm hồ nhất định, phần lớn công việc được định nghĩa chung chung, có một số lỗi nhỏ không được theo sát</li> <li>- Nhân viên áp dụng các bước trong quy trình một cách không đầy đủ tuy nhiên có sự giám sát quản lý phù hợp, từ đó có thể ngăn chặn được những lỗi nghiêm trọng</li> <li>- Các dự án và quy trình mới được thực hiện hoặc các nhân viên mới có ảnh hưởng đến hoạt động</li> <li>- Một phần rủi ro được chuyển giao cho bên thứ ba hoặc đã được trích lập dự phòng</li> </ul>	3
Đáng kể	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sai sót trong kiểm soát tại cấp cơ sở đang diễn ra và kiểm soát cấp trên không kịp thời nhận ra sai sót</li> <li>- Phân cấp quản lý không rõ ràng cộng thêm xuất hiện các điểm yếu trong quản lý dẫn đến các lỗi không được phát hiện kịp thời</li> </ul>	4



Mức rủi ro	Thông dẫn đánh giá	Điểm
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần lớn quản lý thủ công và theo tính phát hiện</li> <li>- Có sự thay đổi cơ bản trong phương pháp làm việc hoặc sản phẩm/dịch vụ trong vài tháng tiếp theo hoặc quy trình vận hành mới cho phần lớn hoạt động kinh doanh. Nhân viên có ít kinh nghiệm</li> <li>- Rủi ro tối thiểu được chuyển sang bên thứ ba hoặc được trích lập dự phòng</li> </ul>	
Nghiêm trọng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kiểm soát rất yếu hoặc không có</li> <li>- Rất ít hoặc là không có quy trình</li> <li>- Bộ máy kiểm soát yếu, cấp bậc và trách nhiệm kiểm soát không được xác định rõ ràng</li> <li>- Phương thức kinh doanh thay đổi nhanh chóng và không chắc chắn. Thu nhập của Nhân viên quá cao hoặc sự thăng tiến quá nhanh làm giảm đi quá trình tích lũy kinh nghiệm và văn hóa</li> <li>- Chỉ xử lý vấn đề một cách bị động dựa trên quan điểm cá nhân</li> </ul>	5

**PHỤ LỤC 05 (PL05/QT.RR.007)**

**ĐÁNH GIÁ RỦI RO TỔNG THỂ**

		Hiệu quả kiểm soát				
		1	2	3	4	5
<b>Ảnh hưởng * Khả năng xảy ra</b>	>10	C	B	B	A	A
	8 – 10	C	C	B	B	A
	5 – 7	C	C	C	B	B
	3 – 4	D	C	C	C	B
	0 – 2	D	D	C	C	C

**MẪU XÁC ĐỊNH RỦI RO TẠI ĐƠN VỊ**

Phạm loại	Phân loại chi tiết	STT	Hiện tượng Rủi ro hoạt động	1. Tích	2. Ảnh hưởng	3. Khả năng xảy ra
<b>CON NGƯỜI</b>	Gian lận của người lao động và hành động xấu	1	Cầu kết/thông đồng/biên thủ/tham ô			
		2	Trộm cắp tài sản trí tuệ hoặc vật chất			
		3	Điền thêm rủi ro vào đây (nếu có)			
	Hành động không đúng quyền hạn và trách nhiệm	4	Sử dụng user và password của người khác khi thực hiện xử lý nghiệp vụ			
		5	Sử dụng thủ đoạn trong việc bán hàng hoặc hoàn thành chỉ tiêu			
		6	Không tuân thủ quy trình			
		7	Sử dụng thông tin được ưu tiên nhằm tiếp cận sai mục đích			
		8	Phê duyệt hay thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng không được phê duyệt			
		9	Sử dụng quyền hiện có để tạo ra những quy định không đúng			
		10	Vi phạm hạn mức giao dịch			
		11	Hành động không đúng nguyên tắc giao dịch			
		12	Điền thêm rủi ro vào đây (nếu có)			
		13	Điền thêm rủi ro vào đây (nếu có)			
	Lỗi/sai sót của nhân viên	14	Sai sót, nhầm lẫn trong quá trình thực hiện nghiệp vụ (không cố ý)			
		15	Phát tán virus lên hệ thống máy tính ngân hàng			
		16	Điền thêm rủi ro vào đây (nếu có)			
		17	Điền thêm rủi ro vào đây (nếu có)			
	Các vấn đề về luật lao động	18	Chấm dứt hợp đồng trái luật			
		19	Phân biệt đối xử			
		20	Không tuân thủ luật lao động			
		21				
		22				
	Biểu tình	23	Biểu tình của người lao động			

	Mất mát hoặc thiếu hụt các nhân lực chủ chốt	24	Thiếu nhân viên phù hợp Do đào tạo không kịp thời			
		25	Mất nhân lực chủ chốt Do chế độ lương thưởng không đáp ứng nhu cầu			
		26	Thiếu kế hoạch cho người kế cận			
		27				
		28				
<b>QUY TRÌNH</b>	Rủi ro trong khâu thanh toán/ chuyển tài	29	Chu trình thanh toán có lỗ hổng			
		30	Chu trình thanh toán không phù hợp			
		31	Các quy trình và hướng dẫn không phù hợp hoặc thiếu tính đồng nhất			
		32	Mất mát do lỗi trong hoạt động đối chiếu			
		33	Các vấn đề ảnh hưởng trong vận chuyển tiền, tài liệu, hợp đồng,...			
		34	Khả năng của nguồn nhân lực hoặc hệ thống không được đáp ứng đầy đủ để giải quyết khối lượng giao dịch			
		35	Thực hiện các khoản thanh toán không kèm nghĩa vụ phải thanh toán			
		36				
		37				
	Rủi ro Văn bản hoặc Hợp đồng	38	Văn bản không đầy đủ			
		39	Điều khoản/ thuật ngữ trong hợp đồng thiếu/chưa hợp lý			
		40	Báo cáo doanh số hoạt động không phù hợp			
		41				
		42				
	Báo cáo nội bộ và tuân thủ	43	Mắc lỗi trong tuân thủ báo cáo nội bộ			
		44				
	Rủi ro bán hàng/ quản lý không tốt tài sản khách hàng	45	Sản phẩm phức tạp			
		46	Tư vấn thiếu thông tin cho khách hàng			
		47				
		48				
<b>HỆ THỐNG</b>	Lỗi hệ thống	49	Lỗi mạng			
		50	Lỗi phần cứng			
		51	Lỗi phần mềm			
		52				
		53				

	An ninh hệ thống	54	Ngân hàng có thể bị lấy cắp dữ liệu			
		55	Bị virus máy tính từ người khác			
		56				
		57				
	Khả năng của hệ thống	58	Khả năng của hệ thống không đáp ứng đủ			
		59	Phần mềm không tương thích			
		60				
		61				
CÁC SỰ KIỆN BÊN NGOÀI	Trách nhiệm về mặt pháp lý và cộng đồng	62	Vi phạm luật bản quyền			
		63	Kiên tục, tranh chấp			
		64				
		65				
	Các hành vi tội phạm	66	Gian lận bên ngoài (Séc giả/giả mạo chữ ký, con dấu)			
		67	Cướp ngân hàng			
		68	Cố ý gian lận trong quá trình mở tài khoản			
		69	Trộm cắp tài sản (trộm cắp quy trình, trộm máy ATM,...)			
		70				
		71				
	Thảm họa và các lỗi cơ sở hạ tầng	72	Cháy ở nơi làm việc			
		73	Thảm họa thiên nhiên			
		74	Hệ thống truyền thông bị trục trặc			
		75	Cơ sở hạ tầng không đáp ứng			
		76	Thiếu điện/nhiên liệu			
		77				
		78				
	Rủi ro chính trị/từ quản lý của Chính phủ	79	Bị ngăn cản trong hoạt động kinh doanh			
		80				
		81				
	Rủi ro về các quy định	82	Thay đổi các quy định tiêu chuẩn đối với ngành ngân hàng			
		83				
		84				



## MẪU ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT VÀ ĐƯA RA HÀNH ĐỘNG GIẢM RỦI RO

STT	Tên rủi ro	Các kiểm soát hiện tại đã có	4. Ảnh hưởng Khả năng	5. Hiệu quả kiểm soát	6. Rủi ro tổng thể	Đề xuất các biện pháp giảm rủi ro	Trách nhiệm	Thời hạn

